

Số: **2036/QĐ-BNN-KHCN**

Hà Nội, ngày **01** tháng **9** năm **2011**

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Phê duyệt Dự án Tăng cường trang thiết bị khoa học công nghệ**

#### **BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi điều 3 Nghị định 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 530/TT-KHCN ngày 04/8/1994 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) hướng dẫn quản lý tăng cường trang thiết bị cho các cơ sở khoa học, công nghệ và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BNNPTNT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, hướng dẫn về quy trình, thủ tục đầu tư từ nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và mua sắm, xử lý tài sản Nhà nước hàng năm tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ và các Ban quản lý dự án thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

Xét tờ trình số 202/TT-QHTLMN ngày 07/7/2011 của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam về việc xin phê duyệt dự án đầu tư "Tăng cường trang thiết bị khoa học công nghệ cho Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam".

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án tăng cường trang thiết bị khoa học công nghệ với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Tăng cường trang thiết bị khoa học công nghệ cho Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam
2. Cấp quyết định đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3. Cơ quan chủ đầu tư: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam
4. Địa điểm thực hiện dự án: Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam, số 271/3 An Dương Vương, Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh
5. Thời gian thực hiện dự án: 2012 đến 2014
6. Mục tiêu của dự án:

a. Mục tiêu chung: Tăng cường cơ sở vật chất thiết bị khoa học công nghệ phục vụ công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong công tác nghiên cứu quy hoạch thủy lợi phát triển bền vững nguồn nước và môi trường nước phục vụ phát triển kinh tế xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đa dạng, bền vững của đất nước.

b. Mục tiêu cụ thể: Bổ sung trang thiết bị cho phòng thí nghiệm chất lượng nước, công tác khảo sát thủy văn, địa hình và địa chất và trang thiết bị, mô hình toán và phần mềm tính toán cho công tác nghiên cứu quy hoạch thủy lợi phục vụ phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện diễn biến ngày càng cực đoan do biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

7. Nội dung đầu tư dự án: Theo Phục lục kèm theo.

8. Tổng mức đầu tư:

Tổng kinh phí đầu tư dự án: 4.950 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí thiết bị nguồn Sự nghiệp khoa học: 4.500 triệu đồng;
- Kinh phí thiết bị nguồn khác của đơn vị: 4.000 triệu đồng;
- Kinh phí quản lý và chi khác nguồn khác của đơn vị: 50 triệu đồng.


**Điều 2.** Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam làm chủ đầu tư chịu trách nhiệm mua sắm thiết bị theo kế hoạch giao vốn của Bộ, thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về mua sắm thiết bị và sử dụng, khai thác thiết bị có hiệu quả.

**Điều 3.** Các Ông Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**PHỤ TRƯỞNG**

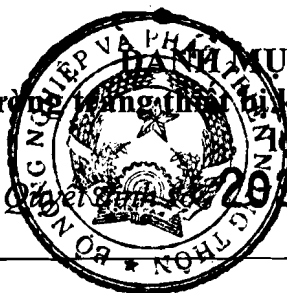


**Bùi Bá Bổng**

**PHỤ LỤC****MỤC THIẾT BỊ ĐẦU TƯ**

Dự án: Tăng cường năng lực kỹ thuật khoa học công nghệ cho Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam

(Kèm theo Quyết định số 2936/QĐ-BNN-KHCN ngày 01/9/2011)



STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (Ng.đồng)	Thành tiền (Ng.đồng)
<b>I</b>	<b>Thiết bị phòng thí nghiệm chất lượng nước</b>				
1	Máy sắc ký khí	Bộ	01	1.300.000	1.300.000
2	Máy sắc ký Ion Dionex	Bộ	01	800.000	800.000
3	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến UV-VIS	Bộ	01	300.000	300.000
4	Máy phân tích chất lượng nước hiện trường (Chỉ tiêu phân tích: pH, ISE, mV/RmV, Oxy hoà tan (DO), độ dẫn (EC), tổng chất rắn tan (TDS), độ mặn, thể oxy hoá khử (ORP), nhiệt độ	Bộ	01	150.000	150.000
<b>II</b>	<b>Thiết bị khảo sát thủy văn, địa hình và địa chất</b>				
<b>2.1</b>	<b>Thiết bị thủy văn</b>				
1	Máy đo độ mặn, độ dầu và nhiệt độ	Bộ	02	27.500	55.000
2	Máy đo độ pH	Bộ	01	23.100	23.100
3	Máy đo lưu tốc cốc quay	Bộ	05	18.700	93.500
4	Máy đo lưu tốc hiện số	Bộ	02	23.650	47.300
<b>2.2</b>	<b>Thiết bị địa hình</b>				
1	Máy toàn đạc điện tử Leica-FLEXLINE TS02-5"	Bộ	01	249.160	249.160
2	Máy Thủy chuẩn tự động LEICA-NA <sub>2</sub>	Bộ	01	69.820	69.820
3	Máy GPS cầm tay HCx	Cái	02	5.910	11.820
4	Máy đo sâu cầm tay PS-7FL (HONDEX)	Cái	02	8.550	17.100
<b>2.3</b>	<b>Thiết bị địa chất</b>				
1	Máy khoan địa chất công trình SPT. XY-1A	Bộ	01	172.249	172.249
2	Thước đo độ sâu mức nước 50	Bộ	02	8.950	17.900

	m, RWL50- Yamayo				
<b>III</b>	<b>Phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác nghiên cứu</b>				
1	Phần mềm Mike 21 (gồm các môđul: Marine PP, Mike 21NHD incl.HD, Mike 21NAD incl.HD, Mike Animator)	Bộ	01	429.146	429.146
2	Phần mềm Mike Basin (gồm các môđul: Mike basin basic, Mike basin WQ)	Bộ	01	117.441	119.967
3	Phần mềm Mike11 Enterprise (bao gồm: Shipping and handling cost)	Bộ	01	263.270	263.270
4	Phần mềm Modflow III (nước ngầm)	Bộ	01	200.718	200.718
5	Phần mềm Topo 5.0	Bộ	01	35.000	35.000
6	Phần mềm Controlnet	Bộ	01	45.000	45.000
<b>IV</b>	<b>Thiết bị văn phòng</b>				
1	Máy chủ và hệ thống mạng	Bộ	01	90.860	90.860
2	Máy in màu khổ Ao	Cái	01	193.050	193.050
3	Máy Phôtô copy Ao	Cái	01	216.040	216.040
<b>V</b>	<b>Chi phí quản lý</b>			50.000	50.000
	<b>Tổng cộng (I÷V)</b>				<b>4.950.000</b>